

SỰ MINH BẠCH TRONG KHU VỰC CÔNG VÀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

Lý thuyết và thực tiễn đã chứng minh, khu vực công có vai trò hết sức quan trọng tới tăng trưởng kinh tế của các quốc gia thông qua tác động trực tiếp cũng như tác động tràn của khu vực này. Tương tự như vậy, các khía cạnh liên quan tới khu vực công cũng được cho rằng có tác động nhất định tới tăng trưởng kinh tế. Để đánh giá mối quan hệ giữa tính minh bạch của khu vực công và tăng trưởng kinh tế tại các quốc gia trên thế giới, bài viết sử dụng bộ số liệu trong nhóm chỉ số quản lý khu vực công và thể chế trong bộ chỉ số Đánh giá Chính sách và Thể chế Quốc gia (Country Policy and Institutional Assessment_CPIA) của Ngân hàng Thế giới, mà theo tác giả là bộ số liệu gần nhất với mục tiêu nghiên cứu và đầy đủ nhất cho đến nay. Với số liệu của hơn 70 quốc gia năm 2012 (năm gần đây nhất có số liệu đầy đủ cần thiết) cho thấy, có mối quan hệ giữa chất lượng của bộ máy hành chính và tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và tham nhũng trong khu vực công tới tăng trưởng GDP. Tuy nhiên, tác động âm của chỉ số tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và tham nhũng không giống như mong đợi. Nguyên nhân có thể do chỉ số này là tổng hợp của ba thành phần có tác động khác nhau đó là “tính minh bạch”, “trách nhiệm giải trình” và “tham nhũng”.

1. Tổng quan tính minh bạch trong khu vực công

Có nhiều chỉ số sử dụng để đo lường quản trị khu vực công nói chung và tính minh bạch của khu vực công nói riêng như: chỉ số quản lý khu vực công và thể chế của Ngân hàng Thế giới; Chỉ số Ngân sách Mở (Open Budget Index); Chỉ số Liêm chính Toàn cầu (Global Integrity Index); Chỉ số Quản trị toàn thế giới (Worldwide Governance Indicators - WGI); chỉ số do tổ chức Freedom House, Tổ chức Sáng kiến Ngân sách Mở (Open Budget Initiative); Chỉ số Trách nhiệm Giải trình Tài chính và Chi tiêu Công (Public Expenditure and Financial Accountability (FEFA)). Mỗi chỉ số có những điểm mạnh và hạn chế riêng. Khi đánh giá các chỉ số, chuyên gia xét theo các tiêu chí: (i) *Rõ ràng*: nội dung được đo lường có rõ ràng không? Nó có nêu rõ các chính sách và thể chế hoặc các kết quả đầu ra về quản trị mà không gộp hai nội dung này thành một; (ii) *Minh bạch*: Liệu thủ tục đo lường có khá minh bạch và có thể dùng để so

sánh không?; (iii) *mối liên hệ theo thời gian*: các chỉ số này có thể sử dụng để so sánh theo thời gian không? (iv) *Mối liên hệ về chiến lược*: các chỉ số này có thể sử dụng để so sánh giữa các nước không?; (v) *Hữu ích cho đối thoại xây dựng*: các chỉ số này có “hiệu quả”? Liệu các cuộc đánh giá có đề xuất được hành động nào rõ ràng không và việc triển khai thực hiện các hành động đó có cải thiện được các chỉ số này trong tương lai? Kết quả đánh giá các chỉ số này từ chuyên gia cho thấy ở một chừng mực nào đó thì chỉ số CPIA được đánh giá minh bạch hơn các chỉ số khác.

Trong phạm vi của bài viết này, tác giả sử dụng nhóm chỉ số quản lý khu vực công và thể chế trong bộ chỉ số CPIA để chạy mô hình xem xét sự ảnh hưởng của tính minh bạch trong khu vực công đến tăng trưởng kinh tế.

Tổng quan về chỉ số CPIA và tăng trưởng kinh tế

Đánh giá chính sách và thể chế quốc gia (CPIA) là bộ chỉ số đánh giá chính sách và thể chế của các quốc gia trên thế giới do Ngân hàng Thế giới tiến hành. Mặc dù xếp hạng chỉ số CPIA được bắt đầu và sử dụng cho mục đích phân bổ nguồn vốn IDA nhưng chúng cũng được sử dụng cho các mục đích rộng hơn. Ví dụ, ngân hàng sử dụng xếp hạng CPIA cho các hoạt động khác của doanh nghiệp bao gồm báo cáo giám sát toàn cầu. Đánh giá này là tiền đề cho thấy CPIA là một chỉ số hữu ích đánh giá hiệu quả phát triển. Bộ chỉ số bao gồm 16 tiêu chí thuộc 4 nhóm: (A) quản lý kinh tế; (B) chính sách cơ cấu; (C) chính sách đối với hòa nhập và công bằng xã hội; và (D) quản lý khu vực công và thể chế. Bộ chỉ số CPIA đã trải qua sự thay đổi về số lượng tiêu chí và trong số các tiêu chí theo thời gian, về cơ bản xu hướng thay đổi hướng đến việc nhấn mạnh tầm quan trọng của các yếu tố về quản lý trong khu vực công, cụ thể trọng số chung của nhóm quản trị khu vực công đã tăng từ 20% năm 1998 lên 25% năm 2000 và trong đánh giá phân bổ IDA đã tăng trọng số tiêu chí nhóm D này lên 68% từ năm 2009 ($CPR = (0.24 * CPIA_{A-C} + 0.68 * CPIA_D + 0.08 * \text{portfolio performance})$). Trong nhóm quản trị khu vực công đã có thêm chỉ số về quyền sở hữu và quản trị trên luật; chỉ số về trách nhiệm giải trình đã nhấn mạnh đến nội dung minh bạch và tham nhũng.

Đối với CPIA tổng thể thì các nhóm này có trọng số tương đương nhau (25%). Như đã đề cập ở trên, từ năm 2009 trong tính toán phân bổ IDA đã đánh giá rõ ràng trọng số các nhóm không đồng đều: ba nhóm đầu tiên (A, B, C) mỗi

nhóm 8%, nhóm quản trị D có trọng số 68% và 8% còn lại cho hiệu quả thực hiện danh mục đầu tư. Nói cách khác, nhóm quản lý khu vực công có trọng số gấp 8,5 lần mỗi nhóm khác. Điều này đã tạo nên một liên kết yếu rõ rệt giữa chỉ số CPIA tổng thể và chỉ số CPIA trong loạt phân bổ IDA, với hoạt động quản trị của một quốc gia (đặc biệt là liên quan đến hiệu quả của nó trong các nhóm chỉ số khác) là điều quan trọng hơn sau đó. Các nghiên cứu không cung cấp bằng chứng biện minh cho cách chi trọng số cho bốn nhóm, dù là cho việc xếp hạng CPIA tổng thể hay trong việc tính toán phân bổ IDA. Về điểm đánh giá, mỗi chỉ số có giá trị từ 1 (thấp) đến 6 (cao), trong đó điểm càng cao cho thấy đánh giá càng tốt. Cụ thể, các tiêu chí của bốn nhóm được liệt kê trong Bảng 1.

Bảng 1: Các chỉ số CPIA

<p><i>Nhóm A: Quản lý kinh tế</i></p> <p>q1. Quản lý kinh tế vĩ mô</p> <p>q2. Chính sách tài khóa</p> <p>q3. Chính sách nợ</p>	<p><i>Nhóm B: Chính sách cơ cấu</i></p> <p>q4. Chính sách thương mại</p> <p>q5. Khu vực tài chính</p> <p>q6. Môi trường kinh doanh</p>
<p><i>Nhóm C: Chính sách đối với hoà nhập và công bằng xã hội</i></p> <p>q7. Bình đẳng giới</p> <p>q8. Sử dụng vốn công</p> <p>q9. Xây dựng nguồn nhân lực</p> <p>q10. Bảo vệ xã hội và lao động</p> <p>q11. Tính bền vững về môi trường</p>	<p><i>Nhóm D: Quản lý khu vực công và thể chế</i></p> <p>q12. Quyền/luật sở hữu dựa trên nguyên tắc quốc gia</p> <p>q13. Quản lý tài chính và ngân sách</p> <p>q14. Hiệu quả huy động vốn</p> <p>q15. Chất lượng hành chính công</p> <p>q16: Tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và tham nhũng</p>

Nguồn: Nhóm Đánh giá Độc lập thuộc Ngân hàng Thế giới (IEG) dựa theo các tài liệu của Ngân hàng Thế giới.

Nghiên cứu về các yếu tố quyết định đến tăng trưởng đã trải qua sự phát triển trong hơn 50 năm. Trong những năm 1950 và 1960, các yếu tố này được tranh luận rộng rãi và cho rằng, hoạt động kinh tế trong dài hạn phụ thuộc vào nguồn vốn đầu tư và nâng cao tỷ lệ tiết kiệm thông qua một “Cú hích”

(Rosenstein Rodan 1943) sẽ đưa các nước sự phát triển tự lực hoặc “*cắt cánh*” (Rostow, 1960). Những năm 1980, các nghiên cứu bắt đầu nhấn mạnh đến tầm quan trọng của một môi trường chính sách kinh tế tốt (Williamson 1990; World Bank 1993) được đặc trưng bởi mức thuế giảm, tỷ giá hối đoái thích hợp và lạm phát thấp. Sau đó, vào những năm 1990, các nghiên cứu nhấn mạnh rằng, những chính sách này sẽ chỉ có những tác động hạn chế trong sự thiếu vắng của các cải cách thể chế cơ bản (World Bank 1998). Ngày nay, có sự đồng thuận tương đối trong các nghiên cứu xung quanh ý tưởng rằng không có công thức duy nhất cho sự tăng trưởng và cần phải lưu tâm đến đặc trưng đất nước bao gồm cả giai đoạn phát triển của đất nước.

Chỉ số CPIA đánh giá sự thuận lợi về chính sách và khuôn khổ thể chế đối với phát triển bền vững, xóa đói, giảm nghèo và việc sử dụng hiệu quả nguồn hỗ trợ phát triển của một quốc gia. Trong bài viết này, tác giả sẽ tập trung vào các chỉ số CPIA trong nhóm quản lý khu vực công và thể chế đây cũng là nhóm chỉ số nhận được sự đồng thuận tương đối cao trong bộ chỉ số CPIA về mối quan hệ đối với tăng trưởng. Việc tổng quan các tài liệu nghiên cứu (về mặt lý thuyết cũng như thực nghiệm) chỉ ra rằng, phần lớn các tiêu chí trong bộ chỉ số CPIA liên quan đến các chính sách và thể chế được cho là quan trọng cho sự phát triển kinh tế.

Các bằng chứng hiện có về tác động của hầu hết các chỉ tiêu đối với tăng trưởng là tích cực. Một chỉ tiêu ngoại lệ có tác động tiêu cực là tham nhũng, trong đó một số nghiên cứu trước đó (từ giữa năm 1960 đến giữa năm 1990) thừa nhận rằng, tham nhũng có thể có một tác động tích cực đến tăng trưởng trong một số trường hợp có những biến dạng chính sách đã tồn tại như những quy định phổ biến và nặng nề, trong trường hợp này tham nhũng có thể giúp ích hiệu quả và tăng trưởng. Nhưng các nghiên cứu từ giữa những năm 1990 trở đi lại cho rằng, tham nhũng có tác động tiêu cực đến tăng trưởng.

Mối quan hệ giữa các chỉ số quản lý khu vực công và thể chế với tăng trưởng kinh tế

Các chỉ số CPIA trong nhóm D có mối quan hệ với tăng trưởng kinh tế một cách gián tiếp thông qua tác động đến các yếu tố quyết định tăng trưởng kinh tế.

Quyền sở hữu rõ ràng và được bảo vệ tốt

Các nghiên cứu chỉ ra quyền sở hữu có liên quan đến các yếu tố tăng trưởng: quyền tài sản gắn liền với thu I nhập bình quân đầu người (Besley, 1995); quyền tài sản gắn liền với các khoản đầu tư (Acemoglu, Johnson và I Robinson, 2005; Bardhan, 2006b);

Mối tương quan tích cực giữa quyền sở hữu và các I nghiên cứu tăng trưởng xuyên quốc gia (Knack và Keefer, I 1995; Mauro, 1995; Hall và Jones, 1999; Rodrik, 1999; De Soto, 2000; Rodrik, Subramanian, và Trebbi, 2002; Summers, 2003; Kerekes và Williamson, 2008) cũng như mối tương quan tích cực giữa quyền sở hữu với phát triển kinh tế vĩ mô (Mazingo, 1999; Johnson, McMillan, và Woodruff, 2002).

Sự rõ ràng và tính có thể dự đoán được của các quy định và pháp luật về quyền sở hữu có tác động lên các doanh nghiệp và cá nhân: tạo sự tin tưởng cho người dân và thông qua đó khuyến khích đầu tư, thúc đẩy tăng trưởng (Gyimah-Brempong và Munoz de Camacho, 2006). Mối quan hệ giữa tăng trưởng và các quy định này là mối quan hệ tích cực (Barro, 2003).

Chất lượng quản lý ngân sách và tài chính

Quản lý tài chính và ngân sách tốt có tầm quan trọng đặc biệt ở các nước đang phát triển vì sự thiếu vắng của kỷ luật tài chính tổng hợp có thể dẫn đến thâm hụt không bền vững lớn, từ đó dẫn đến kinh tế vĩ mô không ổn định (lạm phát cao, lãi suất cao, thâm hụt tài khoản vãng lai) mà cuối cùng là làm chậm tăng trưởng (Fischer, 1991; Easterly, Rodriguez và Schmidt - Hebbel, 1995; Gupta và cộng sự, 2005). Quản lý chi tiêu công hiệu quả hơn và sự ổn định kinh tế vĩ mô và ngân sách là quan trọng đối với chi tiêu công để phục vụ tốt hơn cho người nghèo (Foster và những người khác, 2002).

Hiệu quả huy động nguồn thu

Huy động tài nguyên thu liên quan một cách gián tiếp đến tăng trưởng thông qua chính sách thuế.

Chất lượng hành chính công

Đây là một yếu tố quan trọng đối với tăng trưởng. Các nghiên cứu cho thấy, cải cách hành chính có thể thúc đẩy tăng trưởng nhanh và bền vững, giảm

nghèo bằng cách loại bỏ những trở ngại để phát triển khu vực tư do một khu vực công kém hiệu quả tạo ra. Cải cách này cũng có thể: làm tăng nguồn lực công cho các khoản chi ưu tiên; giảm tham nhũng; và nâng cao trách nhiệm của khu vực công. Một bài báo chuyên đề (Mauro, 1995) cho thấy rằng, hiệu quả của bộ máy hành chính có liên quan đến tỷ lệ tốt hơn về đầu tư và tăng trưởng. Deolalikar và cộng sự (2002) nhấn mạnh rằng, cải cách hành chính, trong đó có cải cách bộ máy hành chính và dịch vụ dân sự là một trong những môi quan tâm chính của cải cách liên quan đến các tổ chức công để giảm nghèo. Hiệu quả bộ máy hành chính là rất quan trọng, thậm chí là rất cần thiết cho việc thực hiện và duy trì một môi trường chính sách thuận lợi cho tăng trưởng kinh tế (Rauch và Evans 2000).

Tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và tham nhũng trong khu vực công

Đối với chỉ số này, cần phải xem xét riêng biệt tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và vấn đề tham nhũng.

Trách nhiệm giải trình của các cơ quan hành pháp đối với các tổ chức giám sát và các viên chức đối với hiệu suất hoạt động của họ. Trách nhiệm giải trình là rất quan trọng đối với tăng trưởng. Một số nghiên cứu thực nghiệm cho thấy, những lợi ích của trách nhiệm giải trình đối với chất lượng chính phủ (Besley và Case, 1995; La Porta và cộng sự, 1999; Adsera, Boix, và Payne, 2003; Eijffinger và Geraats, 2005; Olken, 2007; Dyck, Moss và Zingales, 2008; Ferraz và Finan, 2008; Bjorkman và Svensson, 2009; Djankov và cộng sự, 2009). Trách nhiệm giải trình của các quan chức được bầu cũng được cho là có ý nghĩa trực tiếp đối với sự tăng trưởng kinh tế (Kaufmann, Kraay và Zoido - Lobaton, 1999; Besley và Burgess, 2003).

Tham nhũng: có hai xu hướng mà các nhà nghiên cứu chỉ ra đối với tác động của tham nhũng đến tăng trưởng:

+ *Tham nhũng có tác động tích cực đến tăng trưởng:*

Trong trường hợp có những biến dạng chính sách tồn tại từ trước, trong đó bao gồm các quy định phổ biến và rườm rà, tham nhũng có thể giúp ích cho hiệu quả và tăng trưởng (Leff, 1964; Huntington, 1968; Lui, 1985; Beck và Maher, 1986; Liên, 1986; Bardhan, 1997).

+ Tham nhũng có tác động tiêu cực đến tăng trưởng: Tham nhũng có liên quan trực tiếp đến những thay đổi trong tăng trưởng của thu nhập bình quân đầu người (Knack và Keefer, 1995). Tham nhũng và quan liêu có liên quan đáng kể với mức tăng của đầu tư, được thể hiện bằng thực nghiệm là một trong những yếu tố dự báo mạnh mẽ nhất của tăng trưởng (Mauro, 1995). Tham nhũng có tác động bất lợi về đầu tư và tăng trưởng (Bardhan, 1997, 2006a). Tham nhũng làm tăng sự không chắc chắn, do đó giảm bớt đầu tư vào vốn vật chất và con người (VVeii, 2000; Alesina và VVeder, 2002).

Tương quan tiêu cực giữa tự do báo chí và tham nhũng (AHREND, 2001; Brunetti và Weder, 1999). Chiến dịch truyền thông qua đài phát thanh và báo chí thông báo cho cộng đồng địa phương về quyền của họ đối với quỹ học từ chính quyền trung ương của Uganda (cùng với sự gia tăng giám sát của chính phủ) làm giảm việc sử dụng sai các nguồn quỹ chính quyền cấp tỉnh từ 80% xuống 20% (Reinikka và Svensson, 2004). Truyền thông đại chúng làm cho chính quyền có trách nhiệm hơn (Besley, Burgess, và Prat, 2002). Truyền thông có thể làm cân bằng đối với sức mạnh của nhóm lợi ích đặc biệt bằng cách thông báo đến cử tri (Dyck, Moss và Zingales, 2008).

Điểm số đánh giá tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và tham nhũng

Đánh giá mức độ tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và tham nhũng trong khu vực công gồm ba nội dung chính. Trước tiên là trách nhiệm giải trình của các cơ quan hành pháp đối với các tổ chức giám sát và của công chức đối với hiệu suất làm việc của họ; tiếp đó là sự tiếp cận của xã hội dân sự đối với thông tin về các vấn đề công cộng, nói cách khác là tính minh bạch về thông tin cũng như quá trình thực hiện trong lĩnh vực công; và cuối cùng là kiểm soát chính phủ của các nhóm lợi ích hẹp. Tác động của chỉ số này theo chiều hướng nào đến khu vực công chưa nhận được sự đồng thuận lớn từ các nhà kinh tế.

Điểm số từ 1 đến 6, tính đến từng nửa điểm, trong đó điểm số càng cao cho thấy chất lượng đánh giá càng tốt.

2. Biện giải và kết quả mô hình

Mô hình đánh giá mối quan hệ giữa tăng trưởng và tính minh bạch trong khu vực công sử dụng mô hình hồi quy đa biến $Y=F(K,L,CPIA)$.

Biến phụ thuộc: tốc độ tăng trưởng GDP Biên kiểm soát gồm biên K và biến L

K: Vốn (Gross fixed Capital formation)

L: Lao động (Labor force participation rate)

Và năm biên phụ thuộc CPIA

$$GDP_Growth = \beta_1 CPIA_propertyright + \beta_2 CPIA_QualityBudget + \beta_3 CPIA_Efficiency_Revenuemobilizat + \beta_4 CPIA_PublicAdministra + \beta_5 CPIA_Transparency + \beta_6 K + \beta_7 L$$

Bảng 2. Mô tả các biến trong mô hình

Tên biến	Giải thích biến	Giá trị trung bình
<i>GDP_Growth</i>	Tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm theo giá thị trường.	103,54
<i>CPIA_propertyrights</i>	Quyền/luat sở hữu dựa trên luật: a) Các quyền về hợp đồng và bảo đảm sở hữu tài sản; b) Dự báo, minh bạch; tính công bằng của pháp luật và việc thực thi pháp luật của họ; c) Tội phạm và bạo lực như là một trở ngại cho hoạt động kinh tế.	4,85
<i>CPIA_QualityBudget</i>	Quản lý tài chính và ngân sách: a) Ngân sách đáng tin cậy và toàn diện liên quan đến các ưu tiên chính sách; b) Hệ thống quản lý tài chính có hiệu quả; c) Báo cáo, kế toán chính xác và kịp thời.	5,83
<i>CPIA_Efficiency_Revenuemobilizat</i>	Huy động vốn: chính sách thuế, quản lý thuế	6,4
<i>CPIA_PublicAdmin</i>	Chất lượng hành chính công: a) Phối hợp và đáp ứng chính sách; b) Cung cấp dịch vụ và hiệu quả	5,12

	hoạt động; c) Mức độ thường phạt xứng đáng và đạo đức; d) Thanh toán đầy đủ và quản lý hóa đơn tiền lương.	
<i>CPIA_Transparency</i>	Tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và tham nhũng: a) Trách nhiệm giải trình của cơ quan hành pháp đối với các tổ chức giám sát và công chúng; b) Việc tiếp cận của xã hội dân sự đến thông tin về các vấn đề công cộng; c) Nhà nước có bị chi phối bởi các nhóm lợi ích hay không.	5,12
<i>K</i>	Tăng trưởng bình quân hàng năm của tổng chi phí đầu tư dựa theo đồng nội tệ hiện hành (trước đây được gọi là tổng đầu tư cố định trong nước) bao gồm cải tạo đất (hàng rào, mương, cống thoát nước...); nhà máy, máy móc, thiết bị; xây dựng các tuyến đường bộ, đường sắt; trường học, văn phòng, bệnh viện, các tòa nhà thương mại và công nghiệp	73,15
<i>L</i>	Tỷ lệ gia tăng lực lượng lao động là tỷ lệ dân số trong độ tuổi 15-64, tham gia cung ứng lao động cho sản xuất hàng hoá và dịch vụ trong một thời hạn nhất định	79,04

Nguồn: Thông kê của tác giả

Bảng 3. Kết quả mô hình

VARIABLES	GDP
CPIA_propertyrights	1.298 (1.720)
CPIA_qualitybudget	0.433 (1.059)
CPIA_efficien_revenuemobilizat	0.404

	(1.019)
CPIA_publicadmin	2.630* (1.436)
CPIA_transparency	-2.401* (1.441)
K	0.418*** (0.0989)
L	0.204*** (0.0734)
Constant	45.20*** (8.954)
Observations	231
R-squared	0.240

Standard errors in parentheses

***p<0.01, **p<0.05, *<0.1

Nguồn: tính toán của tác giả dựa trên số liệu CPIA của Ngân hàng Thế giới năm 2012

Kết quả mô hình cho thấy khá phù hợp với những lập luận nêu trên. Cụ thể trong mô hình cho thấy có bốn biên có ý nghĩa tới tăng trưởng GDP bao gồm: hai biến kiểm soát vốn (K) và lao động (L), hai biến CPIA là chất lượng hành chính công (CPIA_publicadmin) và biến tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và tham nhũng (CPIA_transparency).

Hệ số của hai biến kiểm soát cho thấy sự phù hợp với các mô hình kinh tế vĩ mô cơ bản khi có tác động dương tới biến tăng trưởng GDP với độ tin cậy 1%. Nói cách khác, việc tăng quy mô vốn và lao động nhìn chung có tác động kích thích tăng trưởng GDP. Ngoài ra, hệ số của các biến này cũng cho thấy tác động của vốn và lao động tới tăng trưởng GDP của các quốc gia cũng tương đối lớn.

Tác động của nhóm biến CPIA tới tăng trưởng GDP lại có sự không thông nhất như ước đoán ban đầu từ mô hình lý thuyết. Mặc dù cả hai biến đều có ý nghĩa trong mô hình với độ tin cậy 10%, chiều tác động tới tăng trưởng GDP của chúng ngược nhau. Biến chất lượng hành chính công (CPIA_publicadmin) có tác động dương trong khi biến tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và tham nhũng (CPIA_transparency) lại có tác động âm. Việc nghiên cứu cách tính toán chỉ số đã góp phần nào lý giải cho chiều biến này trong bảng kết quả.

Tác động tích cực của chất lượng hành chính công tới tăng trưởng GDP có thể được giải thích dựa vào vai trò của yếu tố này trong việc tạo ra cơ sở cho các khoản ưu tiên đầu tư hiệu quả (như Mauro, 1995) hay vai trò thực hiện và duy trì một môi trường chính sách thuận lợi cho tăng trưởng kinh tế (như trong Rauch và Evans, 2000).

Việc giải thích kết quả tác động âm của biến CPIA_transparency tới tăng trưởng GDP khó khăn hơn rất nhiều khi biến này, như đã nói ở trên, bao gồm ba yếu tố thành phần với trọng số như nhau và được đánh giá theo điểm trung bình của ba yếu tố đó. Kết quả là tác động của biến này mang tính tương đối và chưa được tách bạch rõ ràng giữa các thành phần. Môi quan hệ giữa tính minh bạch và trách nhiệm giải trình đã trở nên rõ ràng hơn và nhận được nhiều sự đồng thuận rằng có sự tác động dương tới tăng trưởng. Trong khi đó môi quan hệ giữa yếu tố tham nhũng và tăng trưởng vẫn còn tiếp tục được tranh cãi, và có chiều hướng thiên về tác động âm.

Nhìn chung, với số liệu CPIA, nghiên cứu cho thấy có mối quan hệ giữa chất lượng của bộ máy hành chính và tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và tham nhũng trong khu vực công tới tăng trưởng GDP. Tác động của việc nâng cao chất lượng bộ máy hành chính tới tăng trưởng GDP là tích cực giống như trong nhiều nghiên cứu trước đây đã tổng quan. Ngược lại, chỉ số và tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và tham nhũng lại có tác động tiêu cực tới tăng trưởng GDP. Tuy nhiên, số liệu chưa cho phép xem xét nguyên nhân cụ thể của kết quả này khi chỉ số bao gồm ba thành phần riêng biệt có trọng số bằng nhau là “tính minh bạch”, “trách nhiệm giải trình” và “tham nhũng”.